TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-PT
Ngày 19-02-2020
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản (chia di sản thừa kế)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm

Ông Lộc Sơn Thái

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLPT-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản (chia di sản thừa kế).

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Chu Thị H. Cư trú tại: Đường T, thôn H1, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Chu Thị C. Cư trú tại: Thôn H2, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim K, Luật sư Văn phòng Luật sư K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Chu Thị N; có mặt.

2. Bà Chu Ngọc N, tên gọi khác: Chu Thị N1; có mặt.

Đều cư trú tại: Khu 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

3. Chị Nông Thị T. Cư trú tại: Khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Hoàng Văn D. Cư trú tại: Khu 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1. Cư trú tại: Khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. NLQ2. Cư trú tại: Khu 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. NLQ3; vắng mặt.

4. NLQ4; vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

5. NLQ5. Cư trú tại: Khu 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. NLQ6; vắng mặt.

7. NLQ7; vắng mặt.

8. NLQ8; vắng mặt.

Đều cư trú tại: Tổ 4, thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

9. NLQ9. Cư trú tại: Khu 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Anh Nông Thánh T. Cư trú tại: Khối 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Chu Thị H, bà Chu Thị C là nguyên đơn; bà Chu Thị N, bà Chu Ngọc N, chị Nông Thị T là bị đơn.

- *Viện kiểm sát nhân dân kháng nghị*: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cụ Chu Đ, sinh năm 1934, chết năm 2003 tại khu 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Cụ Nông Thị C, sinh năm 1936, chết năm 1996 tại huyện B, tỉnh Bình Phước. Cụ Chu Đ và cụ Nông Thị C sinh được 07 người con, đó là: Chu Thị N, NLQ6, Chu Thị C, Chu Thị H, NLQ7, Chu Ngọc N, NLQ8. Quá trình chung sống cụ Chu Đ và cụ Nông Thị C tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 05, tờ bản đồ địa chính số 28c, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là thửa đất số 05) với tổng diện tích là: 1.266,5 m^2, trong đó: Đất ở 400m^2, đất vườn 826,5m^2. Năm 1978, cụ Chu Đ và cụ Nông Thị C xây một ngôi nhà cấp 4 trên đất để gia đình sử dụng. Năm 1988, cụ Chu Đ vào miền Nam lập nghiệp, rồi chuyển đến huyện B, tỉnh Bình Phước ở, sau đó một thời gian thì đón cụ Nông Thị C và một số người con vào Bình Phước cùng sinh sống. Trước khi chết, cụ Chu Đ đã làm văn bản phân chia tài sản ở tỉnh Bình Phước cho các con, không có ai tranh chấp và thắc

mắc gì. Trên thửa đất số 05 có 01 ngôi mộ của họ H có từ trước khi gia đình cụ Chu Đ đến khai phá. Khi bà Chu Ngọc N san ủi thửa đất, ông Hoàng Văn D đã yêu cầu bà Chu Ngọc N xây kè, làm cam kết không xâm phạm vào ngôi mộ của dòng họ. Tất cả các đương sự đều thừa nhận khi cụ Chu Đ chết năm 2003 không có lập di chúc để phân chia tài sản ở thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Tại cấp sơ thẩm:

Các nguyên đơn bà Chu Thị C, bà Chu Thị H cho rằng, sau khi cụ Chu Đ, cụ Nông Thị C chết, chị em trong nhà đã thỏa thuận bằng miệng tạm thời để tài sản là nhà đất tại thửa đất số 05 ở thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cho bà Chu Ngọc N ở và trông coi, chị em trong gia đình sẽ phân chia để sử dụng sau. Tuy nhiên, bà Chu Thị N1 đã tự ý kê khai di sản và đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2015, các bị đơn đã tự ý kê khai nhận tiền đền bù và đất tái định cư do phần đất cụ Chu Đ, cụ Nông Thị C để lại bị ảnh hưởng một phần bởi dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường Quốc lộ 4B. Các nguyên đơn xác định di sản cụ Chu Đ, cụ Nông Thị C để lại chưa phân chia gồm có: Số tiền Nhà nước đền bù là 707.000.000 đồng; 03 lô đất tái định cư đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hộ bà Chu Ngọc N, bà Chu Thị N, hộ bà Nông Thị T và 680m^2 đất thuộc thửa đất số 05, bản đồ địa chính số 28c, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là các tài sản trên theo quy định của pháp luật cho 07 người con của cụ Chu Đ, cụ Nông Thị C. Các nguyên đơn đề nghị được sử dụng mỗi người 01 lô đất tái định cư và có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản nếu vượt quá kỷ phần thừa kế được hưởng.

Bị đơn bà Chu Thị N cho rằng: Năm 1984 bà được bố đẻ là cụ Chu Đ chia cho một phần thửa đất số 05 ở thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để làm nhà và bà quản lý, sử dụng từ đó đến nay. Sau khi cụ Chu Đ chết, gia đình có họp bàn phân chia tài sản của bố mẹ để lại. Buổi họp ngày hôm đó có mặt ông Chu Văn U, bà Chu Thị S, Chu Thị N, Chu Thị C, NLQ7, NLQ8, Chu Ngọc N. Tại cuộc họp đã chia tài sản ông Chu Đ để lại thành 4 phần: Bà Chu Thị N được 1 phần (đó là có phần đất cụ Chu Đ đã cho bà từ năm 1984), bà Chu Ngọc N được 1 phần và ngôi nhà hiện bà Chu Ngọc N đang ở, bà NLQ6 được 1 phần, ông NLQ7 được 1 phần. Bà Chu Ngọc N là người ghi biên bản cuộc họp và giữ biên bản đó. Tuy nhiên, đến năm 2014 bà Chu Ngọc N mới làm giấy tờ chia cho bà 1 phần đất ở, còn diện tích đất vườn vẫn do bà Chu Ngọc N sử dụng. Năm 2015, khi thực hiện dự án làm đường tránh đi qua diện tích đất bà đang sử dụng nên bà được đền bù 189.000.000 đồng, trong đó tiền đền bù đất là 120.000.000 đồng, tiền đền bù vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi, chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm, hỗ trợ di chuyển chỗ ở và thuê nhà là 69.000.000 đồng. Do gia đình bà có hộ khẩu thường trú ở khu đất bị thu hồi và không có mảnh đất nào khác trên địa bàn thị trấn nên bà đủ điều kiện được giao 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Bà nhất trí chia di sản thừa kế là phần diện tích 680m^2 thuộc thửa đất số 05, tờ bản đồ địa chính số 28c, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, trong đó có một phần đất bà đã làm nhà và số tiền 120.000.000 đồng Nhà nước bồi thường về đất. Còn lô đất tái định cư đó là thửa đất số 200, tờ bản đồ số 19, khu 7, thị trấn

Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đứng tên bà thì bà không đồng ý phân chia bởi đó là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà, không phải di sản thừa kế bố mẹ để lại.

Bị đơn bà Chu Ngọc N trình bày: Năm 1988, cụ Chu Đ vào Nam lập nghiệp, năm 1991, cụ Chu Đ chuyển vợ và một số người con đến tỉnh Bình Phước sinh sống. Lúc đó, bà vừa học xong lớp 12, không đi vào cùng bố mẹ vào Bình Phước mà sống tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn để chăm sóc bà ngoại là cụ Hoàng Thị N. Thời điểm đó các chị của bà đã lập gia đình, một mình bà trông nom chăm sóc bà ngoại. Năm 2001, cụ Hoàng Thị N chết, bà là người đứng ra lo hậu sự theo phong tục tập quán và đến nay bà là người thờ cúng và chăm sóc phần mộ của cụ Hoàng Thị N. Năm 2003, cụ Chu Đ ra thăm con, bị bệnh chết tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, bà cũng là người đứng ra lo hậu sự và chôn cất cụ Chu Đ. Sau tang lễ, gia đình có tổ chức họp để phân chia tài sản do bố mẹ để lại như bà Chu Thị N trình bày ở trên. Năm 2004, bà được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 05. Năm 2008, bà làm một nhà tạm để ở do nhà cũ bố mẹ để lại đã xuống cấp và bà chia cho bà Chu Thị N một phần đất để làm nhà và sau đó chia tiếp cho chị Nông Thị T một phần đất để làm nhà. Năm 2014, bà đã làm văn bản để tách phần diện tích đất cho bà Chu Thị N và chị Nông Thị T. Năm 2015, do nhà, đất bị ảnh hưởng dự án đường tránh nên Nhà nước thu hồi đất và bà được bồi thường tiền đất và công trình trên đất. Bản thân bà có hộ khẩu ở khu đất bị thu hồi và không có mảnh đất nào khác trên địa bàn thị trấn nên bà đủ điều kiện được mua 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất, đó là thửa đất số 213, tờ bản đồ số 19, khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (năm 2017, bà đã chuyển nhượng lô đất tái định cư này cho anh Nông Minh T để lấy tiền làm nhà). Sau khi nhận tiền bồi thường (trong đó có cả 120.000.000 đồng bồi thường về đất của hộ chị Nông Thị T) bà đã chia cho NLQ7: 45.000.000 đồng, chia cho NLQ8: 45.000.000 đồng, chia cho bà NLQ6: 30.000.000 đồng, chia cho bà Chu Thị C 15.000.000 đồng, chia cho bà Chu Thị H 12.500.000 đồng. Phần diện tích đất còn lại sau khi Nhà nước thu hồi hiện bà Chu Thị N đang sử dụng một phần, còn lại bà là người sử dụng và bà đã xây dựng nhiều công trình trên đất. Trên phần đất đó có 01 ngôi mộ của họ H, bà nhất trí để lại khuôn viên khu mộ cho họ H sử dụng theo biên bản xác định ranh giới ngày 15-9-2019. Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế các nguyên đơn đưa ra là không có căn cứ nên bà không chấp nhận.

Bị đơn chị Nông Thị T trình bày: Năm 2014, chị được bà Chu Ngọc N làm giấy tờ phân chia cho 01 phần đất tại thửa đất số 05, chị đã làm nhà ở trên mảnh đất đó. Năm 2015, khi có dự án làm đường tránh đi qua chị được đền bù đất với tổng số tiền 120.000.000 đồng, tuy nhiên bà Chu Ngọc N là người nhận số tiền đó. Do gia đình chị có hộ khẩu ở khu đất bị thu hồi và không có mảnh đất nào khác trên địa bàn thị trấn nên gia đình chị đủ điều kiện được giao 01 lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất. Lô đất tái định cư đó là thửa đất số 201, tờ bản đồ số 19, khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn hiện nay vợ chồng chị đã xây nhà và đang sinh sống trên đó. Tiền mua đất là tiền tích góp của vợ chồng chị, không liên quan đến tiền đền bù giải phóng mặt bằng, cũng không phải là di sản thừa kế của ông bà ngoại để lại. Do đó, chị không chấp nhận việc đưa lô đất tái định cư của vợ chồng chị đang ở vào để chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hoàng Văn D trình bày: Ngôi mộ của họ H có trên đất tranh chấp từ trước khi cụ Chu Đ đến khai phá. Khi bà Chu Ngọc N san ủi thửa đất, ông đã yêu cầu bà Chu Ngọc N xây kè, làm cam kết không xâm phạm vào ngôi mộ. Ông đề nghị Tòa án xem xét công nhận việc thỏa thuận ranh giới và cắm mốc khu mộ theo biên bản xác định ranh giới ngày 15-9-2019.

NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5 nhất trí ý kiến của ông Hoàng Văn D đưa ra.

NLQ1 nhất trí ý kiến của là chị Nông Thị T đưa ra.

NLQ6, NLQ7, NLQ8 đề nghị phân chia di sản thừa kế là những tài sản mà nguyên đơn khởi kiện theo giá trị tài sản, kỷ phần thừa kế của họ không nhất thiết phải bằng các chị em ở Lạng Sơn và đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, xác định như sau:

Thửa đất số 05, tờ bản đồ địa chính số 28c, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn sau khi Nhà nước thu hồi được tách thành 02 thửa, với tổng diện tích 680m^2, trong đó: Thửa đất số 75, tờ bản đồ 28c, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn diện tích 40m^2; thửa đất số 76, tờ bản đồ số 28c, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, diện tích là 640m^2.

Thửa đất số 75 hiện bà Chu Thị N đang sử dụng, trên đất gồm có 01 nhà cấp 4 của bà Chu Thị N, ngôi nhà trên có 22,1m^2 thuộc một phần thửa 75, còn lại 15,4m^2 là đất đường dân sinh trước đây.

Thửa đất số 76 hiện nay bà Chu Ngọc N đang quản lý, tổng diện tích 640m^2, trong đó: 76,9m^2 đã xây dựng nhà; 106,3m^2 đất đã san gạt mặt bằng có 01 bể nước. Phần mái Ta luy kè bằng đá và gạch bê tông có diện tích là 93,7m^2, phần diện tích chưa san gạt là 363,1m^2, trong đó: 155,8m^2 là phần mộ và khuôn viên mộ của gia đình ông Hoàng Văn D (ngôi mộ được đắp bằng đất và có diện tích là 5,1m^2); còn lại 207,3m^2 gia đình bà Chu Ngọc N đang sử dụng để trồng cây hàng năm và cây lâu năm. Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 3, hai tầng; 01 chuồng gà; 01 bể nước; kè chắn đất ở phần đất đã san gạt; kè chắn đất ở sau nhà bà Chu Ngọc N; kè tường cạnh nhà bà Chu Ngọc N; 01 cây bạch, 01 cây hồng.

Đối với 03 thửa đất tái định cư, đó là: Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 19,khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Chu Thị N, diện tích 76,5m^2, mục đích sử dụng là đất ở đô thị. Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 19, khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ bà Nông Thị T, diện tích 76,5m^2, mục đích sử dụng là đất ở đô thị, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 3, hai tầng do vợ chồng chị Nông Thị T xây dựng. Thửa đất 213, tờ bản đồ số 19, khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ bà Chu Ngọc N, diện tích là 76,5m^2, mục đích sử dụng là đất ở đô thị.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 31-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị C và bà Chu Thị H. Xác định di sản thừa kế của cụ Chu Đ và cụ Nông Thị C để lại gồm: Tiền đền bù 588.000.000 đồng. Đất tái định cư: 03 thửa, tổng giá trị là 600.000.000 đồng. 02 thửa đất tại khu 2 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn giá trị là 1.450.000.000 đồng. Tổng giá trị di sản là 2.638.000.000 đồng.

Trích cho bà Chu Thị N1 (Chu Ngọc N) hưởng công sức trông nom, chăm sóc cụ Hoàng Thị N, lo mai táng cụ Hoàng Thị N, cụ Chu Đ và thờ cúng theo phong tục, bằng diện tích đất tại thửa số 75 là 18m^2; thửa số 76 là 357m^2 tương ứng với giá trị là: 937.500.000 đồng, bà Chu Thị N1 được sử dụng các tài sản trên đất và được trừ toàn bộ chi phí san gạt và xây kè, phần bà Chu Thị N1 được hưởng là 737.500.000 đồng.

2. Chia di sản thừa kế của cụ Chu Đ và cụ Nông Thị C cho 07 người gồm: Chu Thị N, NLQ6, Chu Thị C, Chu Thị H, NLQ7, Chu Thị N1, NLQ8, mỗi người được chia kỷ phần là: 242.928.000 đồng.

Chia kỷ phần bằng tiền mặt cho NLQ6, NLQ7, NLQ8, mỗi người được nhận 242.928.000 đồng.

Chia kỷ phần bằng hiện vật cho bà Chu Thị C là lô đất tái định cư, thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 19, diện tích 76,5m^2 được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn giao đất cho bà Chu Ngọc N. Bà Chu Thị C tự nguyện trả bà Chu Ngọc N số tiền đã nộp và tiền công làm thủ tục lô đất là: 106.000.000 đồng.

Chia kỷ phần bằng hiện vật cho bà Chu Thị H là lô đất tái định cư thuộc thửa đất số 200, tờ bản đồ số 19, diện tích 76,5m^2 được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn giao đất cho bà Chu Thị N. Bà Chu Thị H tự nguyện trả bà Chu Thị N số tiền đã nộp và tiền công làm thủ tục lô đất là: 106.000.000 đồng.

Chia kỷ phần bằng hiện vật cho bà Chu Thị N là 22m^2 đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ 28c, khu 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn và giá trị lô đất tái định cư, thuộc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 19, diện tích 76,5m^2 được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn giao đất cho chị Nông Thị T. Chị Nông Thị T và NLQ1 tiếp tục được sử dụng lô đất nhưng phải trả cho bà Chu Thị N giá trị lô đất là 200.000.000 đồng.

Chia kỷ phần bằng hiện vật cho bà Chu Thị N1 là 77m^2 đất đã làm nhà và 106m^2 đất đã san gạt tại thửa số 76, tờ bản đồ 28C khu 2 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Bà Chu Thị N1 phải trả cho NLQ7: 197.928.000 đồng. Trả cho NLQ8: 202.928.000 đồng. Trả cho NLQ6: 202.928.000 đồng.

Bà Chu Thị N phải trả cho bà Chu Thị N1 120.000.000 đồng. Trong đó bà Chu Thị N1 được hưởng khoản tiền công trông giữ bảo quản, làm tăng giá trị di sản là 73.788.000 đồng.

Công nhận thỏa thuận giữa các đương sự, theo đó bà Chu Thị N1 giao 100m^2 đất trên đất có ngôi mộ cho NLQ5, Hoàng Văn D, NLQ2, NLQ3, NLQ4 theo biên bản xác định ranh giới ngày 15-9-2019.

Bà Chu Thị N1, bà Chu Thị N có trách nhiệm giao 02 lô đất tái định cư và trả các khoản tiền theo quyết định của bản án này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí; về quyền kháng cáo, về nghĩa vụ chậm trả tiền và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, các đương sự có kháng cáo, cụ thể:

Bà Chu Thị C, bà Chu Thị H kháng cáo yêu cầu: Xác định di sản thừa kế của bố mẹ để lại trị giá là 2.638.000.000 đồng; trích cho bà Chu Ngọc N tiền công chăm sóc và bảo quản tài sản là 250.000.000 đồng; số di sản còn lại chia đều cho 07 người con gồm: Chu Thị C, Chu Thị H, Chu Thị N, NLQ6, NLQ7, Chu Ngọc N, NLQ8; sau khi xác định được kỷ phần của mỗi người được hưởng thì bà Chu Thị C, Chu Thị H sẽ nộp số tiền còn thiếu để mỗi người nhận một lô đất tái định cư.

Bà Chu Thị N, bà Chu Ngọc N, chị Nông Thị T kháng cáo yêu cầu: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 31-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Thị C, bà Chu Thị H đối với bà Chu Thị N, bà Chu Thị N1, chị Nông Thị T.

Ngày 02-12-2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có Quyết định kháng nghị số: 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 31-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 31-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn bởi cấp sơ thẩm có vi phạm về tố tụng trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ; công nhận thỏa thuận của các đương sự và định giá tài sản, cụ thể:

1. Về thu thập, đánh gia chứng cứ: Các thửa đất tái định cư không phải là di sản thừa kế, bản án sơ thẩm xác định 03 thửa đất cấp tái định cư nêu trên là di sản thừa kế để chia bằng hiện vật cho các đương sự là vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ theo quy định Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Chu Thị N1 khai thửa đất tái định cư do bà đứng tên hiện đã chuyển nhượng cho người khác để lấy tiền làm nhà (bút lục145), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu làm rõ nội dung này và không yêu cầu bà Chu Thị N1 cung cấp tài liệu liên quan đến thửa số 213, đã quyết định chia cho bà Chu Thị C thửa đất này là chưa đảm bảo về việc thu thập chứng cứ, theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khi chia kỷ phần bằng hiện vật cho bà Chu Thị N có 15,4m^2 là đất đường dân sinh nhưng Tòa án sơ thẩm chưa thu thập tài liệu liên quan đến diện tích đất này, giao cho bà Chu Thị N được quản lý, sử dụng diện tích đất nhưng không xem xét đến tài sản trên đất là thiếu sót, chưa giải quyết triệt để tài sản là nhà trên đất, diện tích đất bà Chu Thị N được chia không đủ điều kiện để kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất. Khi phân chia đất không mô tả cụ thể độ dài, tứ cận tiếp giáp, không có sơ họa kèm theo và không tuyên nghĩa vụ của các đương sự trong việc điều chỉnh, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về công nhận thỏa thuận của các đương sự về việc bà Chu Thị N1 giao diện tích 100m^2 đất cho ông Hoàng Văn D và các ông trong họ Hoàng theo biên bản lập ngày 15-9-2019 nhưng không ghi cụ thể diện tích, độ dài các cạnh, phía tiếp giáp, không có sơ họa kèm theo sẽ khó khăn cho việc thi hành án. Thỏa thuận này không có đầy đủ ý kiến của những người cùng hàng thừa kế là chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác.

3. Về xác định giá trị di sản các lô đất tái định cư giữa biên bản định giá tài sản ngày 20-8-2019 và nội dung tại bản án sơ thẩm không chính xác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự, dẫn đến việc xác định nghĩa vụ chịu án phí không chính xác. Các đương sự không thỏa thuận tính công sức các bị đơn đã bỏ ra để làm thủ tục nhận đất tái định cư, nhưng Tòa án lại nhận định và công nhận sự tự nguyện của các nguyên đơn trả 106.000.000 đồng số tiền các bị đơn đã nộp và tiền công làm thủ tục được cấp đất là không chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo bà Chu Thị H, bà Chu Thị C vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Người kháng cáo bà Chu Thị N, bà Chu Ngọc N, chị Nông Thị T đề nghị Tòa án hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại ở cấp sơ thẩm theo quy định của pháp luật mới đảm bảo quyền lợi của các bên.

NLQ1 nhất trí theo ý kiến của chị Nông Thị T.

NLQ9 đề nghị Tòa án hủy toàn toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại ở cấp phúc thẩm theo quy định của pháp luật bởi Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa anh tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh.

Anh Nông Thánh T có đơn đề nghị được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bởi anh có đóng góp tiền cho bà Chu Thị N (mẹ của anh) để trả tiền cho Nhà nước đối với lô tái định cư là thửa đất số 200, tờ bản đồ số 19,khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Ngôi nhà trên thửa đất số 75, tờ bản đồ 28c, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn mà bà Chu Thị N xây dựng anh cũng có đóng góp một phần tiền trong đó.

Bà Hoàng Thị Kim K là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đối với kháng cáo của các nguyên đơn đưa ra là căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Kháng cáo của các bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có điểm đúng, có điểm sai, đề nghị xem xét và quyết định về nội dung kháng nghị. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của các nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn; sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng nội dung các nguyên đơn đã kháng cáo và đề nghị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; có đương sự vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung kháng cáo: Bà Chu Thị C, bà Chu Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại đối với diện tích 1.226,5m^2, thuộc thửa đất số 05 và tài sản trên đất do cụ Chu Đ và cụ Nông Thị C tạo dựng. Các đương sự đều xác định thửa đất số 05 có nguồn gốc là của bố mẹ để lại, bà Chu Thị N1 là người quản lý, sử dụng từ năm 1991 và sau đó bà Chu Thị N1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2008, do nhà trên đất cụ Chu Đ, cụ Nông Thị C xuống cấp nên bà Chu Thị N1 làm nhà tạm để ở. Sau đó, bà Chu Thị N1 chia cho bà Chu Thị N, chị Nông Thị T một phần đất để xây nhà. Do phần diện tích nhà, đất mà bà Chu Thị N1, bà Chu Thị N, chị Nông Thị T đang sử dụng bị Nhà nước thu hồi, thuộc trường hợp được hỗ trợ tái định cư nên Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho họ, cụ thể: Bà Chu Thị N được giao thửa đất số 200; hộ bà Nông Thị T giao thửa đất số 201; hộ bà Chu Thị N1 được giao thửa đất 213. Năm 2017, bà Chu Thị N1 đã chuyển nhượng lô tái định cư là thửa đất 213 cho NLQ9 với giá 400.000.000 đồng, NLQ9 đã trả cho bà Chu Thị N1 200.000.000 đồng, số tiền còn lại khi hoàn thiện hồ sơ sẽ thanh toán. Tuy nhiên, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ chứng cứ liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất, dẫn đến xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ, cụ thể công sức chăm sóc, phục dưỡng cụ Hoàng Thị N và công quản lý di sản là ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự. Ngoài ra, còn một số thiếu sót, vi phạm về tố tụng trong việc xác định tư cách người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Do bản án có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, xác định thiếu người liên quan và không đúng di sản thừa kế đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là làm ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự. Việc kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là có căn cứ nhưng để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử cần hủy bản án để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Về nội dung kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên nội dung kháng nghị thể hiện tại Quyết định kháng nghị số: 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02-12-2019.

Với những vi phạm nêu trên, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 31-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Hoàng Văn D, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét thấy, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 28c, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn có diện tích 1.226,5m^{2,} các đương sự đều thừa nhận là của cụ Chu Đ và cụ Nông Thị C để lại. Trước đây trên đất có 01 ngôi nhà do cụ Chu Đ và cụ Nông Thị C tạo lập từ năm 1978. Khi cụ Chu Đ và cụ Nông Thị C chuyển vào tỉnh Bình Phước sinh sống thì bà Chu Ngọc N là người quản lý, sử dụng thửa đất này. Sau đó, bà Chu Ngọc N đã kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 011029 ngày 24-4-2004 cho hộ bà Chu Thị N1. Năm 2008, do nhà cũ cụ Chu Đ và cụ Nông Thị C để lại đã xuống cấp nên bà Chu Ngọc N đã xây một nhà tạm để ở, đồng thời chia một phần diện tích đất cho bà Chu Thị N để xây nhà. Ngày 20-02-2014, bà Chu Ngọc N làm văn bản chia cho bà Chu Thị N, chị Nông Thị T mỗi người 100m^2 đất để sử dụng. Năm 2015, khi Nhà nước thu hồi đất làm dự án đường tránh, bà Chu Ngọc N làm thủ tục tặng cho bà Chu Thị N, chị Nông Thị T mỗi người 100m^2 đất để làm cơ sở đo đạc, kiểm đếm. Việc bà Chu Ngọc N, bà Chu Thị N xây nhà năm 2008 các đồng thừa kế đều biết nhưng không tranh chấp hay phản đối.

[3] Khi thực hiện dự án mở đường tránh, Nhà nước đã thu hồi 400m^2 đất ở và 146,5m^2 đất vườn tại thửa đất số 05 theo các Quyết định số: 2296, 2297, 2298/QĐ-UB ngày 15-9-2015 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất còn lại của thửa đất số 05 là 680m^2 nay được tách thành 2 thửa đất, đó là: Thửa đất số 75, diện tích 40m^{2}và thửa đất số 76, diện tích 640m^2, tờ bản đồ số 28c, khu 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 12-5-2017 cho hộ bà Chu Ngọc N). Do trên đất bị thu hồi có hộ bà Chu Ngọc N, bà Chu Thị N, hộ chị Nông Thị T đang ở, đủ điều kiện nên được giao đất tái định cư nhưng có thu tiền sử dụng đất.

[4] Ngày 24-11-2015, Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đã giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất cho hộ bà Chu Ngọc N, bà Chu Thị N, hộ chị Nông Thị T tại các Quyết định số: 3164/QĐ-UBND, Quyết định số: 3151/QĐ-UBND, Quyết định số 3152/QĐ-UBND. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất các lô tái định cư cho hộ bà Chu Ngọc N, bà Chu Thị N, hộ bà Nông Thị T, cụ thể: Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 19, khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn được cấp cho hộ bà Nông Thị T; thửa đất số 200, tờ bản đồ số 19, khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn được cấp cho bà Chu Thị N; thửa đất số 213, tờ bản đồ số 19, khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn được cấp cho hộ bà Chu Ngọc N. Tiền sử dụng đất của 03 lô tái định cư trên xuất phát là từ việc tích góp của gia đình các bị đơn, không phải từ tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Do đó, các thửa đất tái định cư không phải là di sản thừa kế ông Chu Đ, bà Nông Thị C để lại. Bản án sơ thẩm xác định 03 thửa đất tái định cư nêu trên là di sản thừa kế để chia bằng hiện vật cho bà Chu Thị C

thửa đất số 213 (cấp cho hộ bà Chu Ngọc N); chia thửa đất số 200 cho bà Chu Thị H (cấp cho bà Chu Thị N) và chia giá trị thửa đất thửa số 201 cho bà Chu Thị N (cấp cho hộ chị Nông Thị T) là vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự.

[5] Tại cấp sơ thẩm, bà Chu Ngọc N đã trình bày: Lô đất tái định cư thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 19, diện tích 76,5m^2 được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Chu Ngọc N. Trong quá trình quản lý, sử dụng bà Chu Ngọc N đã chuyển nhượng thửa đất này cho người khác để lấy tiền làm nhà (bút lục 145). Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu làm rõ nội dung này và không yêu cầu bà Chu Ngọc N cung cấp tài liệu liên quan đến thửa đất số 213 đã quyết định chia cho bà Chu Thị C thửa đất này là chưa đảm bảo về việc thu thập chứng cứ của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Tại cấp phúc thẩm, qua thu thập tài liệu thấy rằng: Bà Chu Ngọc N đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 213, tờ bản đồ số 19, khu 7, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cho NLQ9 với giá 400.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng có làm giấy tờ viết tay với nhau, NLQ9 đã trả cho bà Chu Ngọc N số tiền 200.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả nốt khi NLQ9 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. NLQ9 và bà Chu Ngọc N cho biết: Hai bên đã thực hiện các thủ tục chuyển nhượng quyền tại cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho NLQ9; từ sau khi viết giấy chuyển nhượng, thửa đất này NLQ9 là người trực tiếp quản lý, sử dụng. NLQ9 không nhất trí tham gia tố tụng vụ án này ở cấp phúc thẩm mà yêu cầu được tham gia tố tụng từ cấp sơ thẩm để đảm bảo quyền kháng cáo. Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã không đưa đầy đủ người tham gia tố tụng, cụ thể không đưa NLQ9 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ảnh hưởng đến quyền lợi của NLQ9 và không đảm bảo việc giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện.

[7] Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn có nhiều sai sót khác như: Chưa thu thập đầy đủ các tài liệu thể hiện công sức chăm sóc cụ Hoàng Thị N, chi phí mai táng của cụ Hoàng Thị N, cụ Chu Đ; công sức của đương sự trong tu bổ, tôn tạo, quản lý di sản; khi phân chia đất cho các đồng thừa kế nhưng không mô tả cụ thể độ dài, tứ cận tiếp giáp của diện tích đất được chia, không có sơ họa kèm theo và không tuyên nghĩa vụ của các đương sự trong việc điều chỉnh, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc công nhận thỏa thuận của các đương sự không ghi cụ thể diện tích, độ dài các cạnh, phía tiếp giáp, không có sơ họa kèm theo và không có đầy đủ ý kiến của những người cùng hàng thừa kế; xác định người tham gia tố tụng có đương sự chưa đúng ...

[8] Từ những phân tích và đánh giá trên, thấy rằng cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, xác định thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của đương sự, không đảm bảo hai cấp xét xử. Vì vậy, để vụ án được giải quyết toàn diện, triệt để, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử, xét thấy cần hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-

ST ngày 31-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn thụ lý, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Nội dung kháng cáo của các đương sự và yêu cầu của các đương sự khác, người tham gia tố tụng khác, trong đó có anh Nông Thánh T sẽ được xem xét, giải quyết khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị nào phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Do Bản án dân sự sơ thẩm bị cấp phúc thẩm hủy nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Hoàn trả những người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 3Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sựnăm 2015,khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 31-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà Chu Thị H, bà Chu Thị C, bà Chu Thị N, bà Chu Ngọc N, tên gọi khác: Chu Thị N1, chị Nông Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả bà Chu Thị C số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/04252 ngày 18 tháng 11 năm 2019.

Hoàn trả bà Chu Thị H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/04254 ngày 18 tháng 11 năm 2019.

Hoàn trả bà Chu Thị N số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh

Lạng Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/04257 ngày 19 tháng 11 năm 2019.

Hoàn trả bà Chu Ngọc N, tên gọi khác Chu Thị N1 số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/04256 ngày 19 tháng 11 năm 2019.

Hoàn trả chị Nông Thị T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/04255 ngày 19 tháng 11 năm 2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h.Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h.Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Đ, tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa